

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/02/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTC2+P4+P10	7:25	1+8+13	0+0+0		1+0+0	0+0+0	
2		RP2+TD5+TD3	7:25	7+12+0	0+0+0		0+3+1	0+0+0	
3		TC1+P3+TD1	9:25	10+11+1	0+0+0		0+0+5	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TTC2 - P4 - P10	CREW: Hôi - MTuấn - NNam	ETA: 09:20
XANH-1			

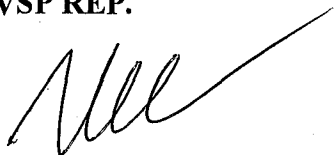
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MINH GIÀU	TTC2	72	1	4	40	66	PSV	Vietnamese
2	HOÀNG SỸ NGỌC	P4	66	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN BUI XUÂN DỪNG	P4	68-69	2	12		64	PVE	Vietnamese
4	NGO QUANG KHIEM	P4	65	1	7		59	PVE	Vietnamese
5	PHẠM VĂN THIẾT	P4	70-71	2	9		73	PVE	Vietnamese
6	TRẦN HẬU THỌ	P4	72-73	2	18		58	PVE	Vietnamese
7	VÔ HỒNG QUAN	P4	67	1	6		93	PVE	Vietnamese
8	PHẠM VĂN LƯƠNG	P10	21	1	20		65	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC QUANG	P10	19-20	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐẶNG NGỌC CUONG	P10	18	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN ĐÌNH MINH	P10	97-98	2	14		62	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN TRỌNG	P10	16-17	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM VIỆT HỮU	P10	92	1	11		59	XAYLAP	Vietnamese
14	TÀ TRUNG HIỆU	P10	11	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VŨ HỘI	P10	95-96	2	10		75	XAYLAP	Vietnamese
16	HOÀNG VĂN BA	P10	14-15	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
17	LƯU ĐỨC THỊNH	P10	99,06	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG QUYÊN	P10	09-10	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ VĂN HÙNG	P10	12-13	2	17		68	XAYLAP	Vietnamese
20	LẠI VĂN MẠNH	P10	93-94	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

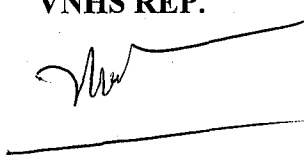
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	1	1	4	66	40	1		
2	P4	6	9	59	415	0	0		
3	P10	13	22	205	903	0	0		
TOTAL		20	32	268	1.384	40	1		
WEIGHT KG				268	1.384	40			

GRAND TOAL: 1.692 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: RP2 - TD5 - TD3	CREW: Cương - VTHU - TDUNG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIÊN HOÀNG	RP2	73-74	2	11		65	PVE	Vietnamese
2	VŨ TRỌNG TỰ	RP2	76	1	4		61	PVE	Vietnamese
3	TÔ VŨ DUNG	RP2	71	1	6		57	PVE	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC HỘI	RP2	72	1	5	6	63	PVE	Vietnamese
5	LẠI HỒNG NGÂN	RP2	75	1	6		70	PVE	Vietnamese
6	LA XUÂN THẮNG	RP2	70	1	5		58	PVE	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN AN	RP2	77	1	5		68	PVE	Vietnamese
8	PLAKHOTNUK L.V	TD5	25	1	6		90	D-HANH	Russian
9	NIKOLAYEV G.M	TD5	24	1	9		76	KHOAN	Russian
10	ANDRIUSHENKO O.A	TD5	23	1	4		125	KHOAN	Russian
11	LÊ THANH LAM	TD5					68	KHOAN	Vietnamese
12	PHÙNG NGUYỄN NGỌC	TD5	22	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
13	LƯU VĂN PHONG	TD5					73	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN SỸ LÊ	TD5	28	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN HƯƠNG	TD5	27	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
16	HỒ HOÀN KIỂM	TD5	26	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
17	HÀ THANH TÙNG	TD5					92	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH SÙNG	TD5	29	1	7	122	73	D-HANH	Vietnamese
19	PHẠM NGỌC HÙNG	TD5	30	1	8		80	D-HANH	Vietnamese
20	BUI DINH PHUC	TD5					67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	7	8	42	442	6	0		
2	TD5	13	9	54	1.027	122	3		
3	TD3	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		20	17	96	1.469	128	8		
WEIGHT KG				96	1.469	128			

GRAND TOAL: 1.693 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: TTC1 - P3 - TD1	CREW: Hòì - MTuấn - NNam	ETA: 11:40
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MANH THANG	TTC1	33	1	8		70	GETRACO	Vietnamese
2	TRAN VAN LE	TTC1	30	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
3	TA TRUNG DUNG	TTC1	32	1	12		90	KH-THAC	Vietnamese
4	HAN VAN GIAO	TTC1	24	1	7		80	PVE	Vietnamese
5	NGUYEN VAN SY	TTC1	28	1	6		61	PVE	Vietnamese
6	PHAM QUANG THOM	TTC1	29	1	10	105	65	PVE	Vietnamese
7	GLYBOVSKI ANATOLI	TTC1	25	1	8		78	KH-THAC	Russian
8	VU DINH LOI	TTC1	31	1	12		58	KH-THAC	Vietnamese
9	VAN TIEN DUNG	TTC1	27	1	9		64	PVE	Vietnamese
10	PHAM THANH TUNG	TTC1	26	1	10		83	PVE	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HAI	TTC1	23	1	6		82	PVE	Vietnamese
12	VO DINH HA	P3	74	1	8		65	TRUONG	Vietnamese
13	DOAN VAN QUAN	P3	75	1	8		70	TRUONG	Vietnamese
14	LE HUU HOA	P3	72	1	8		65	TRUONG	Vietnamese
15	LE VU LUC	P3	73	1	9		77	TRUONG	Vietnamese
16	THACH HOANG NGHIA	P3	69	1	12		60	TRUONG	Vietnamese
17	NGUYEN HUY HOANG	P3	66-67	2	10		53	TRUONG	Vietnamese
18	THACH HOANG HAN	P3	68	1	10		67	TRUONG	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN TUNG	P3	65	1	8		61	TRUONG	Vietnamese
20	VO TAN TAI	P3	70	1	10	42	67	TRUONG	Vietnamese
21	TRAN TRI	P3	71	1	8		55	TRUONG	Vietnamese
22	NGUYEN VAN LINH	TD1	32-33	2	15		65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	11	11	96	796	105	0		
2	P3	10	11	91	640	42	0		
3	TD1	1	2	15	65	0	5		
TOTAL		22	24	202	1.501	147	5		
WEIGHT KG				202	1.501	147			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/02/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+CLI+BK3	7:25	11+8+0	0+0+0		0+6+2	0+0+0	Chuyen 1 pax P2-CL
2		RC6+CLO+JS2	7:25	5+0+16	0+0+0		0+3+19	0+0+0	
3		BK10+BK8+JS2	9:25	8+3+5	0+0+0		0+1+14	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: P2 - CLI - BK3	CREW: TTrung - VThắng - Huy	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN THU	P2	42	1	5	20	75	LILAMA18	Vietnamese
2	LÊ VĂN DŨNG	P2	40	1	3		65	LILAMA18	Vietnamese
3	PHẠM VĂN NHỊ	P2	45	1	5		60	LILAMA18	Vietnamese
4	HOÀNG MINH HAI	P2	49	1	7		57	LILAMA18	Vietnamese
5	LÊ HỮU SƠN	P2	44	1	8		63	LILAMA18	Vietnamese
6	ĐẶNG VĂN MẠNH	P2	39	1	4		64	LILAMA18	Vietnamese
7	PHẠM VĂN THU	P2	46	1	4		76	LILAMA18	Vietnamese
8	TRẦN VĂN THUY	P2	43	1	10		63	LILAMA18	Vietnamese
9	TÀNG VĂN KIẾN	P2	47	1	8		65	LILAMA18	Vietnamese
10	VŨ LÊ HÙNG	P2	41	1	6		52	LILAMA18	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC THUẬN	P2	38	1	6		76	PSV	Vietnamese
12	PHẠM ĐÌNH QUYỀN	CLI	17-18	2	20	86	76	D-HANH	Vietnamese
13	BUI KIẾN ĐỨC	CLI	19	1	5		90	D-HANH	Vietnamese
14	PHẠM XUÂN YẾN	CLI	09	1	5		75	PSV	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN DŨ	CLI	16	1	5		66	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HOÀNG ANH	CLI	12-13	2	11		64	PSV	Vietnamese
17	BUI NGỌC TÂN	CLI	10	1	3		62	PSV	Vietnamese
18	DUƠNG VĂN THU	CLI	20	1	4		69	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN THUẬT	CLI	14-15	2	5		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

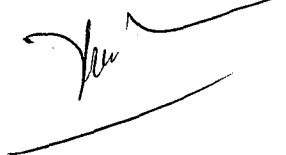
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	11	11	66	716	20	0-1		CHUYEN 1 PAX TU P2 SANG CLI
2	CLI	8	11	58	568	86	6		
3	BK3	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		19	22	124	1.284	106	8		
WEIGHT KG				124	1.284	106			

GRAND TOAL: 1.514 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT:	TO: RC6 - CLO - JS2	CREW: Phong - NPhú - HIẾU	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ THANH TIỀN	RC6	61-62	2	12		84	CODIEN	Vietnamese
2	VŨ TRỌNG NGHĨA	RC6	55-56	2	13		70	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN PHŨ	RC6	59-60	2	12		73	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH KHÁ	RC6	63	1	9		68	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN THANH	RC6	57-58	2	20		58	CODIEN	Vietnamese
6	LE QUANG CUONG	JS2	500	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
7	MICHAEL PATRICK	JS2	46	1	16	20	90	KHOAN	Indian
8	NARENDRASINH PARIHAR	JS2	37	1	16		91	KHOAN	Indian
9	NGUYEN VAN HONG	JS2	01,73	2	9		60	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN QUOC DAI	JS2	598,600	2	16		84	KTHAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN LINH	JS2	45	1	6	22	58	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG VAN THE	JS2	99	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
13	QUACH VAN THANG	JS2	43	1	3	11	72	KHOAN	Vietnamese
14	VU THE DUNG	JS2	42	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG VAN BON	JS2	96	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN TUAN	JS2	601	1	5	26	72	KHOAN	Vietnamese
17	LE VIET THUC	JS2	97-99	3	12		87	KHOAN	Vietnamese
18	DO PHU DAT	JS2	84	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN XUAN THI	JS2	25	1	10		58	KHOAN	Vietnamese
20	PHAM VAN TAN	JS2	24	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
21	VU THANH QUANG	JS2	97	1	7		74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	5	9	66	353	0	0		
2	CLO	0	0	0	0	0	3		
3	JS2	16	20	140	1.162	79	19		
TOTAL		21	29	206	1.515	79	22		
WEIGHT KG				206	1.515	79			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: BK10 - BK8 - JS2	CREW: TTrung - VThắng - Huy	ETA: 11:40
XANH-2			

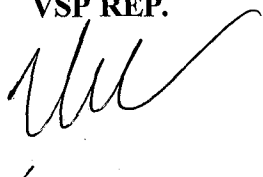
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VIỆT HÙNG	BK10	09	1	12	40	63	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN NGŨ	BK10	900	1	11		67	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN SANH TRUONG	BK10	98-99	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN CAM	BK10	05-06	2	13		63	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM VĂN HOÀN	BK10	01-03	3	18		77	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC TUÂN	BK10	96-97	2	19		76	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI NGOC HOANG	BK10	07-08	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
8	HA VĂN NIỆM	BK10	04	1	10		68	PSV	Vietnamese
9	VŨ VIỆT HUAN	BK8	41	1	12	10	69	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG THAI VIỆT	BK8	42-43	2	15	70	72	DVL	Vietnamese
11	HUA QUANG TAM	JS2	52	1	10	15	65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH TUÂN	JS2	80	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
13	DUONG VAN MINH	JS2	69	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN BA KHANH	JS2	78	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG XUAN CANH	JS2	54	1	10		69	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN VIỆT HO	JS2	45	1	12		62	KHOAN	Vietnamese
17	MAI VĂN DƯƠNG	JS2	74	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
18	LE VAN BAO	JS2	46	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN THANH TINH	JS2	51	1	8		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

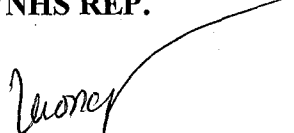
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	8	14	110	546	40	0		
2	BK8	2	3	27	141	80	1		
3	JS2	9	9	88	641	15	21		
TOTAL		19	26	225	1.328	135	22		
WEIGHT KG				225	1.328	135			

GRAND TOAL: 1.688 KGS

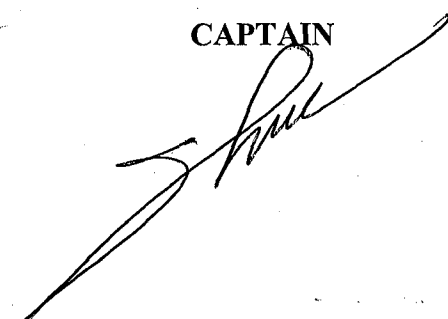
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐHTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/02/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+BK14+JS2	7:25	5+4+9	0+0+0		0+0+1	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: P2 - BK14 - JS2	CREW: TUYỀN - Khang - MQUÂN	ETA: 09:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BAMBUROV	P2	50	1	5	20	100	KH-THAC	Russian
2	TA NGOC THANH	P2	03	1	15	75	75	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN NGHI	P2	94	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
4	VU CHI CONG	P2	51	1	10		52	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN DUY KHANH	P2	01-02	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN VAN HUY	BK14	31	1	13	85	75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM TRUNG HIEU	BK14	14	1	14	20	75	KH-THAC	Vietnamese
8	LE VAN TIET	BK14	12	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG TUAN HAI	BK14	13	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM HUU HUAN	JS2	40	1	10	40	65	XNK-VSP	Vietnamese
11	NGUYEN VAN THUC	JS2	49	1	9		84	XNK-VSP	Vietnamese
12	KARPUNIN ALEXEY	JS2	50	1	13		95	XNK-VSP	Russian
13	HOANG VINH PHU	JS2	43	1	5		76	TTAN-VSF	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC ANH	JS2	45	1	6		67	TTAN-VSF	Vietnamese
15	NGUYEN TRUNG THANH	JS2	47-48	2	20		68	TTAN-VSF	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TUNG	JS2	46	1	12		68	TTAN-VSF	Vietnamese
17	VU VAN DUC	JS2	41-42	2	15		68	TTAN-VSF	Vietnamese
18	NGUYEN CHIEN THANG	JS2	44	1	5		67	TTAN-VSF	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	5	6	54	375	95	0		THAO 4 CHO DE CHO HANG
2	BK14	4	4	43	296	105	0		
3	JS2	9	11	95	658	40	1		
TOTAL		18	21	192	1.329	240	1		
WEIGHT KG				192	1.329	240			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN